

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LA THỊ QUẾ

**BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2021

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LA THỊ QUẾ

**BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính
Mã số: 9 38 01 02**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. Nguyễn Minh Đoan

HÀ NỘI - 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận án chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nào. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về công trình nghiên cứu của mình.

Tác giả

La Thị Quế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	6
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài luận án	6
1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án	28
1.3. Câu hỏi nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu	31
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	32
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP	33
2.1. Khái niệm, điều kiện, vai trò của bảo đảm thực hiện quyền tư pháp	33
2.2. Nội dung bảo đảm thực hiện quyền tư pháp	48
2.3. Bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở một số quốc gia trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam	58
2.4. Nhận xét chung về bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở các nước đã nghiên cứu và giá trị tham khảo cho Việt Nam	64
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	66
Chương 3: THỰC TRẠNG BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM	68
3.1. Thực trạng thể chế bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam	68
3.2. Thực trạng thiết chế bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam	102
3.3. Thực trạng ý thức pháp luật bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam	117
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	122
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP Củng Cố, Tăng Cường BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	124
4.1. Quan điểm củng cố, tăng cường bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam hiện nay	124
4.2. Giải pháp củng cố, tăng cường bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	127
KẾT LUẬN CHƯƠNG 4	159
KẾT LUẬN	161
DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	162
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	163

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
HT	Hội thẩm
NNPQ	Nhà nước pháp quyền
QH	Quốc hội
QTP	Quyền tư pháp
TA	TA
TP	Thẩm phán
TTDS	Tổ tụng dân sự
TTHS	Tổ tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Bảng số liệu công tác giải quyết, xét xử các loại vụ việc từ năm 2014-2020	91
Bảng 3.2. Bảng số liệu chất lượng đội ngũ công chức ngành Tòa án từ năm 2017-2020	108
Bảng 3.3. Bảng số liệu xử lý kỷ luật cán bộ, công chức Tòa án địa phương từ năm 2014-2019	111
Bảng 3.4. Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ Tòa án các cấp.....	112
Bảng 3.5. Yếu tố ảnh hưởng tới lựa chọn khởi kiện trong tranh chấp thương mại ...	122

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Với mọi quốc gia, hệ thống tư pháp luôn giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Do có tầm quan trọng như vậy, hệ thống tư pháp mỗi quốc gia thường xuyên được rà soát và có cơ chế bảo đảm thực hiện. Ở Việt Nam, tầm quan trọng bảo đảm thực hiện quyền tư pháp đã được thể chế và khẳng định tại Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 2-1-2002 của Bộ Chính trị: “*Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*” với 8 nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa then chốt tạo sự chuyển biến mạnh mẽ cho công tác tư pháp. Trên cơ sở tổng kết các kết quả đã đạt được, ngày 02-06-2005 Bộ Chính trị ban hành tiếp Nghị quyết 49-NQ/TW về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”. Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp của Việt Nam đến năm 2020 đã xác định mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh và bảo vệ công lý. Nghị quyết cũng nêu rõ hoạt động tư pháp mà trong đó Tòa án giữ vị trí trung tâm và công tác xét xử là hoạt động trọng tâm cần được tiếp tục cải cách, nâng cao chất lượng, bảo đảm hiệu quả cao phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của Việt Nam.

Theo hướng tiếp cận như trên, kể từ năm 2005 khi Nghị quyết 49 ban hành thời gian qua, ở Việt Nam bảo đảm thực hiện quyền tư pháp đã và đang được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm mà điểm nút quan trọng đó là thay đổi diện mạo tư pháp hướng tới mục tiêu đảm bảo cho hệ thống tư pháp ngang tầm với những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền, đáp ứng kịp thời yêu cầu của quá trình đổi mới đất nước, xu thế hội nhập, hợp tác quốc tế. Vì lẽ đó, Đảng chủ trương ban hành và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, lấy Tòa án là trung tâm, xét xử là trọng tâm và lấy tranh tụng làm khâu đột phá. Với định hướng của chiến lược cải cách tư pháp, vai trò của quyền tư pháp đã được khẳng định tại Khoản 1 Điều 102 Hiến pháp năm 2013: “*Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”. Có thể nói, quan điểm của Đảng cùng cơ sở pháp lý tại Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện sự thay đổi nhận thức vượt bậc trong các quy định về tổ chức và hoạt động tư pháp so với các bản Hiến pháp trước, qua đó xác định: “*Tòa án là biểu tượng của công lý*”. Tại Khoản 3 Điều 102, Hiến pháp 2013 cũng nhấn mạnh việc bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân là những nhiệm vụ đầu tiên của Tòa án nhân dân, sau đó mới là nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội

chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Quy định trên được đánh giá có tính tương đồng với Hiến pháp nhiều quốc gia trên thế giới và được xem là một trong những thành công lớn của Hiến pháp năm 2013 trong tư duy về quyền lực tư pháp.

Thực tế cũng cho thấy sức mạnh của Nhà nước pháp quyền tùy thuộc nhiều vào hiệu quả hoạt động của quyền lực tư pháp. Tuy nhiên, theo đánh giá của Dự án Thế giới chỉ số pháp quyền của Việt Nam trong lĩnh vực tư pháp trong năm 2020 mới đạt được ở mức độ trung bình. Theo bảng xếp hạng năm 2020 của Dự án tư pháp Thế giới, về yếu tố Tư pháp dân sự (Civil Justice) Việt Nam đạt 0,46/1,00 điểm, xếp hạng 89/129 nước được khảo sát, xếp hạng 11/15 các nước trong khu vực Châu Á- Thái Bình Dương. Đối với tư pháp hình sự (Crimminal Justice), Việt Nam đạt 0,46/1,00 điểm xếp hạng 60/128 nước được khảo sát và xếp hạng 9/15 các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương [166]. Như vậy, nước ta vẫn cần phải tiếp tục cải cách tư pháp để nâng cao chỉ số pháp quyền trong lĩnh vực này. Thực tiễn thực hiện vấn đề bảo đảm thực hiện quyền tư pháp vẫn còn tồn tại nhiều bất cập: Những vướng mắc về cơ sở pháp lý cũng như tổ chức thực thi hệ thống các nguyên tắc thực hiện đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện quyền tư pháp; Mối quan hệ phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực tư pháp với quyền lập pháp, quyền hành pháp chưa được xác định, làm rõ đã làm ảnh hưởng đến việc thực thi quyền tư pháp; Chưa xây dựng được cơ chế đồng bộ, khoa học để quản lí Tòa án về mặt tổ chức nhằm đảm bảo tính độc lập, khách quan, chưa sắp xếp tinh gọn được tổ chức, bộ máy Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm; Nhận thức về vị trí của Tòa án trong thực hiện quyền tư pháp chưa phù hợp dẫn đến việc thiết kế mô hình tổ chức và hoạt động của cơ quan vẫn còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều vấn đề tồn tại qua nhiều thập kỷ vẫn chưa được khắc phục như: nhiệm kỳ Thẩm phán còn ngắn chưa đảm bảo cho Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, chế độ lương vẫn như cán bộ công chức khác; chưa có chế độ đãi ngộ hợp lí; các bảo đảm nguồn lực cho tổ chức và hoạt động của Tòa án còn yếu kém... Vì vậy, thực tiễn trên đặt ra câu hỏi quyền lực tư pháp cần những điều kiện gì để có thể phát huy được quyền năng vốn có của nó. Nghĩa là, hiệu quả hoạt động của quyền tư pháp đòi hỏi cần có sự bảo đảm cả về mặt pháp lý và thực tiễn tổ chức hoạt động. Rất nhiều điểm liên quan đến những vấn đề trên vẫn chưa được nghiên cứu, làm rõ.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, nghiên cứu sinh đã quyết định lựa chọn đề tài: “**Bảo đảm thực hiện quyền tư pháp ở Việt Nam hiện nay**” để triển khai nghiên cứu trong quy mô luận án với mong muốn góp phần giải mã một cách toàn diện và có hệ thống các nội dung liên quan đến chủ đề đã lựa chọn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp hợp lý, thiết thực, khả thi để QTP ở Việt Nam được thực hiện hiệu quả trong thực tiễn giai đoạn hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về bảo đảm thực hiện QTP. Trên cơ sở đó làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về bảo đảm thực hiện QTP đặc biệt đưa ra được khái niệm bảo đảm thực hiện QTP; Điều kiện, nội dung, vai trò của bảo đảm thực hiện QTP;

- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng bảo đảm thực hiện QTP những kết quả đạt được đồng thời cũng chỉ ra những bất cập, hạn chế;

- Phân tích làm rõ các nhu cầu bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Luận án tập trung nghiên cứu các điều kiện về thể chế pháp lý (quy định Hiến pháp 2013 và văn bản pháp luật có liên quan); tổ chức và hoạt động của TA - thiết chế được giao thực hiện QTP; ý thức pháp luật của cơ quan, cá nhân thực hiện QTP.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Bảo đảm thực hiện QTP là một chủ đề rộng, chứa đựng nhiều vấn đề cơ sở lý luận khoa học và cũng như tính thực tiễn phong phú. Nghiên cứu cho thấy nếu tiếp cận theo nghĩa rộng bảo đảm thực hiện QTP liên quan đến nhiều yếu tố được xem là những điều kiện chung để bảo đảm thực hiện QTP như: bảo đảm chính trị, bảo đảm về kinh tế, bảo đảm về văn hóa - xã hội,... Những điều kiện này có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của hệ thống pháp lý tạo cơ sở cho các chủ thể thực hiện QTP đồng thời có khả năng tạo môi trường thuận lợi cho việc bảo đảm thực hiện QTP. Tuy nhiên, trong khuôn khổ phạm vi luận án tiến sĩ, nội dung luận án tập trung nghiên cứu bảo đảm thực hiện QTP ở phạm vi hẹp đó là làm sáng tỏ bảo đảm về thể chế thực hiện QTP (cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm thực hiện quyền); bảo đảm về thiết chế thực hiện QTP (hệ thống cơ quan tổ chức triển khai thực hiện QTP); ý thức pháp luật của các tổ chức, cá nhân bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam. Từ đó luận án đưa ra hệ thống các giải pháp đồng bộ nâng cao hiệu quả bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam hiện nay.

- *Phạm vi không gian*: Đề tài triển khai trên phạm vi cả nước. Trong quá trình nghiên cứu đề tài có nghiên cứu so sánh với một số quốc gia nhằm mục đích làm sáng rõ nội dung liên quan đến luận án.

- *Phạm vi thời gian*: Đề tài nghiên cứu từ khi đổi mới đất nước (1986) đến nay trọng tâm là từ khi Hiến pháp 2013 có hiệu lực đến nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật của Chủ nghĩa Mác- Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam về đường lối đổi mới đất nước, về tinh thần cải cách hệ thống tư pháp trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực và hiệu quả. Bên cạnh đó, quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành, đa ngành luật học; Đặc biệt là phương pháp tiếp cận nghiên cứu dựa trên quyền (Human Rights Based Approach, viết tắt là HRBA). Phương pháp này được đánh giá là hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu đề cập đến các vấn đề liên quan về quyền con người. Với cách tiếp cận nghiên cứu này sẽ tập trung nhấn mạnh vấn đề cách thức thực hiện quyền thay vì chỉ tập trung đến nội dung quyền.

Ngoài ra, luận án áp dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể nhằm mục đích làm rõ các vấn đề cần nghiên cứu:

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: được tác giả sử dụng trong tất cả các chương của luận án để phát hiện, luận giải thuyết phục về các nội dung liên quan đến chủ đề luận án.

- *Phương pháp luật học so sánh*: được tập trung sử dụng ở chương 3 và 4 của luận án. Phương pháp này giúp nghiên cứu sinh có sự so sánh, đối chiếu với luật pháp một số nước để rút kinh nghiệm và lựa chọn những hạt nhân hợp lý áp dụng phù hợp với hoàn cảnh nước ta.

- *Phương pháp thống kê*: được sử dụng trong chương 1 và 3 của luận án nhằm mục đích tập hợp, đánh giá đúng tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài cũng như thực trạng bảo đảm thực hiện QTP ở Việt Nam hiện nay.

- *Phương pháp lịch sử*: được sử dụng chủ yếu trong chương 2, 3 nhằm nhận diện các bước chuyển biến trong nhận thức về bảo đảm thực hiện QTP ở nước ta.

- *Phương pháp phỏng vấn chuyên gia*: được sử dụng chủ yếu ở chương 3, 4. Phương pháp đưa ra nhằm tham vấn ý kiến của một số nhà cán bộ đang trực tiếp làm trong công tác ngành tư pháp nhằm làm rõ thực tiễn vấn đề được nghiên cứu.